MIRAE ASSET Securities

20 Tháng Tám 2021

# Bản tin cuối ngày
## Việt Nam

*Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua:* cs@miraeasset.com.vn

**Thang đo sức mạnh thị trường**

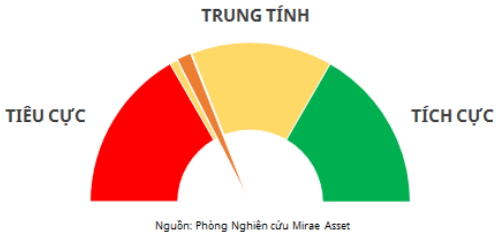


Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

**Tổng quan thị trường**

| | Thị giá | 1W (%) | 1M (%) | 1Y (%) |
|---|---|---|---|---|
| VN-INDEX | 1,329.43 | -2.04 | 4.41 | 56.73 |
| HNX | 338.06 | 0.32 | 12.27 | 178.97 |
| UPCOM | 92.70 | 0.57 | 10.77 | 61.95 |
| MSCI EM | 1,232.41 | -3.78 | -6.00 | 14.06 |
| NIKKEI | 27,013.25 | -3.45 | -1.37 | 18.06 |
| HANG SENG | 24,849.72 | -5.84 | -8.84 | 0.24 |
| KOSPI | 3,060.51 | -4.61 | -5.33 | 34.57 |
| FTSE | 7,040.20 | -2.47 | 2.31 | 17.08 |
| S&P 500 | 4,405.80 | -1.23 | 1.91 | 30.14 |
| NASDAQ | 14,541.79 | -1.85 | 0.30 | 29.09 |

**Định giá thị trường**

| | P/E (x) | P/B (x) | ROE (%) |
|---|---|---|---|
| VN-INDEX | 16.02 | 2.58 | 16.31 |
| SET INDEX | 19.19 | 1.64 | 7.55 |
| JCI INDEX | N/A | 2.04 | -7.69 |
| PCOMP INDEX | 22.24 | 1.62 | 7.53 |

**Lãi suất tham chiếu**

| | Thị giá | 1W (bps) | 1M (bps) | 1Y (bps) |
|---|---|---|---|---|
| Cơ bản | 4.00 | 0 | 0 | -50 |
| 5 năm | 0.86 | -4 | -20 | -87 |
| 10 năm | 2.08 | -1 | -8 | -82 |

**Tỷ giá ngoại hối**

| | Thị giá | 1W (%) | 1M (%) | 1Y (%) |
|---|---|---|---|---|
| US$/VND | 22,828 | -0.03 | 0.83 | 1.48 |
| US$/KRW | 1,180 | -0.91 | -2.48 | 0.62 |
| US$/JPY | 110 | -0.09 | 0.15 | -3.55 |
| US$/EUR | 0.86 | 1.04 | 0.91 | 1.59 |
| US$/GBP | 0.73 | 1.80 | 0.05 | -2.99 |
| US$/SGD | 1.36 | -0.65 | 0.12 | 0.24 |

**Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)**

| | Gần nhất | TB 1 tháng | TB 1 năm |
|---|---|---|---|
| VN-INDEX | 963 | 832 | 604 |
| HNX | 163 | 130 | 86 |
| UPCOM | 94 | 57 | 38 |

**Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử**

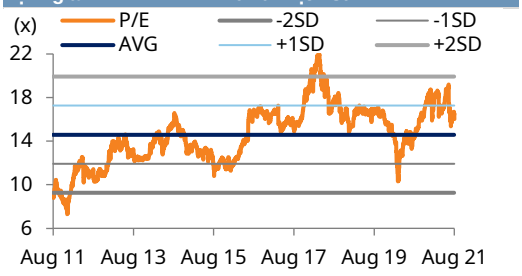


## Nhận định thị trường

**VN-Index có tuần điều chỉnh đầu tiên đồng thời xuất hiện phiên thanh khoản kỷ lục**

Với tâm lý lạc quan, VN-Index đã khởi đầu tuần với phiên tăng hơn 13 điểm, vượt kháng cự quan trọng 1.370. Đà tăng tưởng như đã tiếp tục thì sau đó trong phiên ngày 17/08, VN-Index đã bất ngờ giảm điểm khi tiến gần ngưỡng 1.380. Ba phiên cuối tuần diễn ra rất kịch tính khi 1 lần nữa VN-Index tăng mạnh vượt 1.370 rồi lại bất ngờ giảm sâu trong phiên cuối tuần. Với mức giảm 45,4 điểm trong phiên cuối tuần, VN-Index chốt tuần đã để mất 27,6 điểm (-2,02%) về mức 1.329, xuyên thủng hỗ trợ 1.340 – 1.350. Phiên cuối tuần (20/08) ghi nhận mức thanh khoản khớp lệnh trên HSX cao nhất từ trước đến nay với gần 1,8 tỷ đơn vị khớp lệnh, giá trị vượt 37.000 tỷ đồng.

Các bluechip lớn nhất của thị trường đều nằm trong top 10 cổ phiếu ảnh hưởng tiêu cực đến VN-Index. Dẫn đầu là VHM với mức giảm 9,9% đã làm VN-Index giảm 10,7 điểm, tiếp theo là GAS ảnh hưởng -2,8 điểm. Nhóm ngân hàng đóng góp 4 mã là BID, CTG, TCB và ACB với tổng mức ảnh hưởng là -7,2 điểm. Bên phía ảnh hưởng tích cực, đáng chú ý có GVR và SSI với mức tăng 4,5% và 5,9% đã giúp VN-Index tăng 1,7 và 0,6 điểm.

Khối ngoại quay tăng mạnh giá trị bán ròng lên hơn 5.500 tỷ đồng trong tuần này, SSI là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với giá trị 984 tỷ đồng, VHM đứng thứ 2 với giá trị 852 tỷ đồng, VIC là cổ phiếu bị bán ròng nhiều thứ 3 trong tuần với giá trị 539 tỷ đồng. Giao dịch bán ròng của SSI đến từ việc cổ đông lớn là Daiwa đã bán ra hơn 15 triệu cổ phiếu trong tuần.

VN-Index đã có 2 lần vượt lên ngưỡng 1.370 trong tuần, tuy nhiên đã không thể duy trì đà tăng sau đó. Rủi ro đà tăng của chỉ số đã gặp kháng cự mạnh tại vùng 1.370 – 1.380 và tạo đỉnh tại vùng này Điểm số kĩ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **-3 (TRUNG TÍNH).**

**Phạm Bình Phương,** Analyst,84-8-39102222, phuong.pb@miraeasset.com.vn

**Cập nhật kỹ thuật các chỉ số**

| Chỉ số | Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*) | Trạng thái |
|---|---|---|
| VNINDEX | -3 | TRUNG TÍNH |
| VN30 | -3 | TRUNG TÍNH |
| VN30F1M | -3 | TRUNG TÍNH |
| VN DIAMOND | -3 | TIÊU CỰC |
| VN FIN SELECT | -2 | TRUNG TÍNH |
| Shanghai Composite | -4 | TIÊU CỰC |
| Kospi | -7 | TIÊU CỰC |
| Nikkei 225 | -5 | TIÊU CỰC |
| FTSE 100 (EU) | -5 | TIÊU CỰC |
| Dow Jones | -4 | TIÊU CỰC |

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

**Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối**

# Bản tin tuần

**Thị trường trái phiếu:**

- Trong tuần, KBNN đã phát hành thành công 9.275 tỷ đồng, đạt 92,75% lượng gọi thầu lần 1 và bổ sung. Tỷ lệ chào mua/ gọi thầu giảm về mức 3 lần từ mức 3,9 lần của tuần trước. Cụ thể, kỳ hạn 5 năm phát hành thành công toàn bộ 1.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 0,84% (-16bps); Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công toàn bộ 3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,05% (-5bps); Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 3.775/ 4.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,26% (-6bps) và kỳ hạn 20 năm phát hành thành công toàn bộ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,83% (-3bps).
- Tuần sau vào ngày 25/08 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 8.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 3.500 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 30 năm có giá trị 2.500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

**Thị trường tiền tệ:**

- **Lãi suất liên ngân hàng**: Trong tuần 11/08 – 18/08, lãi suất liên ngân hàng đã giảm tại tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, kỳ hạn O/N, 1 tuần và 2 tuần đã giảm về các mức lần lượt 0,71% (-12bps), 0,85% (-16bps) và 1% (-14bps). Các kỳ hạn dài như 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng lần lượt giảm về các mức 1,22% (-21bps), 1,68% (-3bps) vaa2 2,75% (-70bps).
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 20/08/21 của NHNN đã tăng 0,091% so với cuối tuần trước, lên mức 23.166 VND/USD. Trong khi tỷ giá NHTM và thị trường tự do lại cùng ghi nhận mức giảm, cụ thể tỷ giá các NHTM đã giảm 0,066% và 0,065% tại chiều mua và bán về mức 22.685-22.915 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do đã giảm 0,324% chiều mua và 0,28% ở chiều bán về mức 23.050 – 23.170 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

# Phân tích kỹ thuật

| Chỉ số | Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*) | Trạng thái |
|---|---|---|
| **VNINDEX** | -3 | TRUNG TÍNH |
| **VN30** | -3 | TRUNG TÍNH |
| **VN30F1M** | -3 | TRUNG TÍNH |
| **VN DIAMOND** | -3 | **TIÊU CỰC** |
| **VN FIN SELECT** | -2 | TRUNG TÍNH |

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

| Chỉ tiêu VN-Index | | Chỉ tiêu | Điểm số |
|---|---|---|---|
| Đóng cửa (20/08/2021) | 1,329.05 | Kháng cự 1 | **1.350** |
| Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần) | Đi ngang | Kháng cự 2 | **1.370** |
| Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng) | Đi ngang | Hỗ trợ 1 | **1.300** |
| Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng) | Đi ngang | Hỗ trợ 2 | **1.250** |

Phiên giảm điểm mạnh cuối tuần đã xuyên thủng vùng hỗ trợ mạnh 1.340 – 1.350, làm mất xu hứng tăng ngắn hạn và trung hạn. Trong tuần sau khả năng chỉ số sẽ kiểm định lại vùng 1.340 – 1.350, nếu thành công vượt lên xu hướng ngắn hạn sẽ trở lại tịch cực. Tuy nhiên sau phiên giảm với thanh khoản kỷ lục, nhiều khả năng xu hướng giảm điểm sẽ được hình thành. Điểm số kĩ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **-3 (TRUNG TÍNH).**

**Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)**

*Nguồn: Fireant*

# Nhận định phái sinh

| Chỉ tiêu | | Chỉ tiêu | Điểm số |
|---|---|---|---|
| VN30F1M - đóng cửa (20/08/2021) | 1,445 | Kháng cự 1 | 1.500 |
| Xu hướng ngắn hạn (chart ngày) | KHẢ QUAN | Kháng cự 2 | 1.520 |
| VN30 – đóng cửa | 1.450 | Hỗ trợ 1 | 1.480 |
| Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30** | -5.45 | Hỗ trợ 2 | 1.450 |

| Chỉ số | Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*) | Trạng thái |
|---|---|---|
| **VN30F1M (chart 15 phút)** | -7 | TIÊU CỰC |
| **VN30F1M (chart 60 phút)** | -5 | TIÊU CỰC |
| **VN30F1M (chart ngày)** | -3 | TRUNG TÍNH |

VN30F1M biến động mạnh sau phiên đáo hạn hợp đồng phái sinh điều này đã khiến cho chỉ số này đóng cửa dưới mức hỗ trợ MA20 ngày của mình. Tuy nhiên, trong đồ thị tuần xu hướng tăng vẫn được duy trì. Vì vậy chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư chấp nhận rủi ro cao có thể mở vị thế Mua (Long) còn đối với nhóm nhà đầu tư khác có thể đừng ngoài quan sát thêm diễn biến thị trường

| Chiến lược 1 (Short) | Điểm số | Chiến lược 2 (Long) | Điểm số |
|---|---|---|---|
| **+ Short** | n/a | **+ Long** | 1,440 |
| **+ Stop loss (Cắt lỗ)** | n/a | **+ Stop loss (Cắt lỗ)** | 1,430 |
| **+ Take profit (Chốt lời)** | n/a | **+ Take profit (Chốt lời)** | 1,480 |

**Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)**

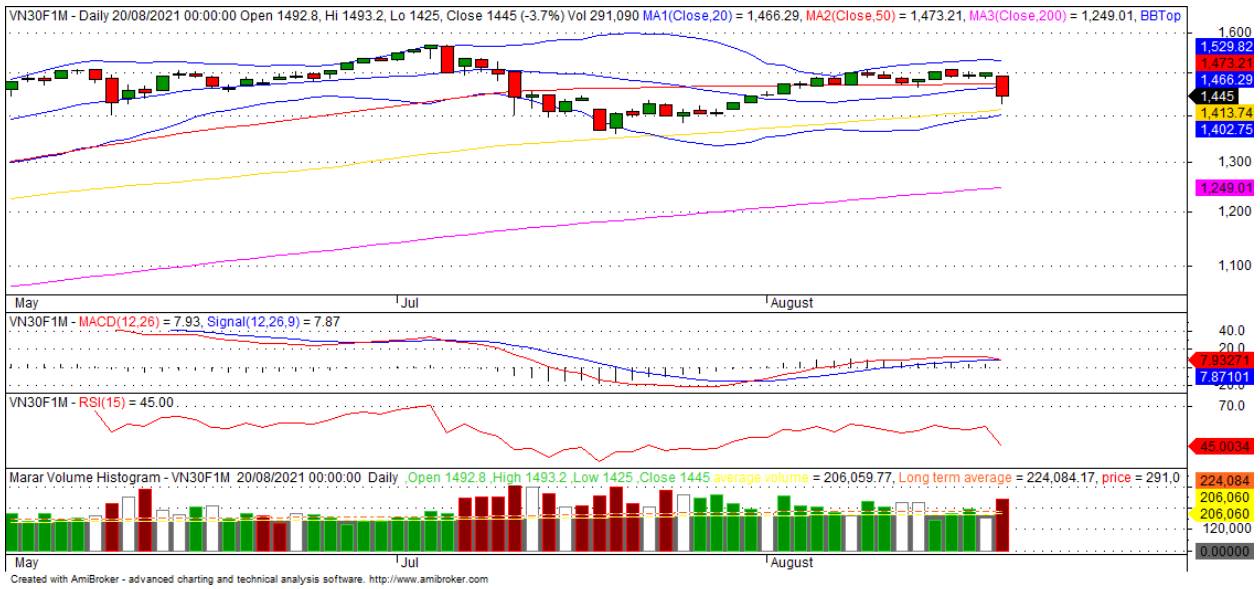


*Nguồn: Fiinpro*

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

| Mã | Đóng cửa | KLTB 20N | Điểm kỹ thuật (*) | Xu hướng ngắn hạn | Vốn hóa | P/E | P/BV |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *Đơn vị* | (KVNĐ) | | | | (tỷ đồng) | (lần) | (lần) |
| AAA | 17.4 | 7,035,860 | -1 | TRUNG TÍNH | 5,164 | 12.9 | 1.1 |
| ACB | 33.6 | 12,038,625 | -7 | TIÊU CỰC | 90,785 | 9.4 | 2.2 |
| AGR | 16.1 | 3,297,970 | 5 | KHẢ QUAN | 3,400 | 9.8 | 1.5 |
| ASM | 14.75 | 4,178,810 | 0 | TRUNG TÍNH | 3,818 | 9.4 | 0.8 |
| BCG | 17.1 | 4,204,430 | 2 | TRUNG TÍNH | 5,088 | 5.5 | 1.4 |
| BID | 40.5 | 2,153,260 | -5 | TIÊU CỰC | 162,892 | 16.4 | 2.0 |
| BSI | 27.3 | 1,786,345 | 4 | KHẢ QUAN | 3,319 | 12.2 | 2.0 |
| BSR | 17.8 | 15,719,160 | -7 | TIÊU CỰC | 55,189 | #N/A N/A | 1.8 |
| BVH | 53.4 | 906,860 | -2 | TRUNG TÍNH | 39,640 | 22.0 | 1.9 |
| CTG | 32.7 | 15,784,280 | -3 | TRUNG TÍNH | 157,148 | 9.6 | 1.7 |
| CTR | 83.9 | 1,034,620 | 0 | TRUNG TÍNH | 7,796 | 27.9 | 7.3 |
| CTS | 28.4 | 1,907,185 | 7 | KHẢ QUAN | 3,022 | 10.6 | 1.9 |
| DBC | 58.5 | 2,250,620 | 1 | TRUNG TÍNH | 6,742 | 5.5 | 1.4 |
| DCM | 23.65 | 6,634,855 | 0 | TRUNG TÍNH | 12,520 | 20.6 | 2.0 |
| DDV | 17.1 | 3,376,790 | 5 | KHẢ QUAN | 2,498 | 87.7 | 2.0 |
| DGC | 107.5 | 1,365,520 | 4 | KHẢ QUAN | 18,391 | 18.3 | 4.1 |
| DGW | 167.6 | 372,990 | 7 | KHẢ QUAN | 7,408 | 18.2 | 5.3 |
| DIG | 32.5 | 12,830,830 | 0 | TRUNG TÍNH | 13,321 | 17.7 | 2.8 |
| DPM | 36.15 | 6,279,550 | 0 | TRUNG TÍNH | 14,147 | 12.5 | 1.6 |
| DRC | 33.5 | 3,067,210 | -2 | TRUNG TÍNH | 3,980 | 11.7 | 2.3 |
| DXG | 22 | 6,336,375 | -3 | TRUNG TÍNH | 11,402 | 13.9 | 1.3 |
| FIT | 21.1 | 10,742,600 | 4 | KHẢ QUAN | 5,375 | 38.9 | 1.7 |
| FLC | 10.45 | 17,576,244 | -7 | TIÊU CỰC | 7,419 | 4.1 | 0.8 |
| FPT | 92.8 | 3,760,675 | -7 | TIÊU CỰC | 84,213 | 21.9 | 5.0 |
| FRT | 39.95 | 3,543,690 | -4 | TIÊU CỰC | 3,155 | 47.4 | 2.5 |
| GAS | 87.5 | 1,130,615 | -7 | TIÊU CỰC | 167,471 | 21.5 | 3.6 |
| GEX | 24 | 7,577,005 | 0 | TRUNG TÍNH | 18,749 | 13.6 | 1.5 |
| GMD | 47.35 | 4,413,845 | -4 | TIÊU CỰC | 14,270 | 34.9 | 2.3 |
| GVR | 36.35 | 6,159,820 | 0 | TRUNG TÍNH | 145,400 | 30.3 | 3.0 |
| HAH | 55.9 | 2,210,800 | -4 | TIÊU CỰC | 2,649 | 12.6 | 2.3 |
| HBC | 14.7 | 5,360,990 | 0 | TRUNG TÍNH | 3,394 | 23.2 | 0.9 |
| HCM | 57 | 6,528,475 | 7 | KHẢ QUAN | 17,387 | 19.7 | 3.6 |
| HDB | 34.5 | 2,787,275 | -3 | TRUNG TÍNH | 54,985 | 10.4 | 2.1 |
| HDC | 64 | 1,068,850 | -2 | TRUNG TÍNH | 5,321 | 18.1 | 4.2 |
| HDG | 55.2 | 3,073,130 | -5 | TIÊU CỰC | 9,032 | 12.7 | 2.6 |
| HHV | 21 | 4,563,815 | 6 | KHẢ QUAN | 5,615 | 36.0 | 0.9 |
| HNG | 7.2 | 9,628,805 | -3 | TRUNG TÍNH | 7,982 | #N/A N/A | 1.0 |
| HPG | 49 | 26,652,204 | -2 | TRUNG TÍNH | 219,173 | 8.7 | 3.0 |
| HSG | 38.75 | 12,452,415 | 0 | TRUNG TÍNH | 18,952 | 5.0 | 1.9 |
| IDC | 38.3 | 2,847,680 | 2 | TRUNG TÍNH | 11,490 | 22.6 | 3.0 |
| IJC | 27.9 | 7,686,950 | 1 | TRUNG TÍNH | 6,057 | 7.9 | 1.9 |
| ITA | 6.76 | 7,684,325 | 3 | TRUNG TÍNH | 6,343 | 32.1 | 0.6 |
| KBC | 36.6 | 10,977,105 | 1 | TRUNG TÍNH | 17,193 | 20.4 | 1.7 |
| KDC | 60.3 | 2,187,660 | -5 | TIÊU CỰC | 13,794 | 30.8 | 2.4 |
| KDH | 39.4 | 4,639,465 | -5 | TIÊU CỰC | 24,550 | 20.0 | 2.8 |
| KSB | 29 | 2,417,345 | 1 | TRUNG TÍNH | 2,126 | 8.5 | 1.3 |
| LCG | 15.2 | 4,766,735 | 2 | TRUNG TÍNH | 1,752 | 4.8 | 1.0 |
| LPB | 24 | 10,307,355 | -5 | TIÊU CỰC | 28,886 | 10.8 | 1.9 |
| MBB | 29.9 | 16,531,135 | -2 | TRUNG TÍNH | 112,972 | 10.8 | 2.1 |
| MBS | 35.8 | 3,988,455 | 4 | KHẢ QUAN | 9,580 | 19.1 | 3.1 |
| MSN | 133.8 | 1,308,960 | -4 | TIÊU CỰC | 157,956 | 74.9 | 7.4 |
| MWG | 164 | 1,141,245 | -5 | TIÊU CỰC | 77,945 | 17.0 | 4.3 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| NAF | 32.5 | 1,551,415 | 0 | TRUNG TÍNH | 1,546 | 26.6 | 2.4 |
| NDN | 22 | 2,193,760 | -2 | TRUNG TÍNH | 1,576 | 4.4 | 1.4 |
| NKG | 39.55 | 7,962,005 | -2 | TRUNG TÍNH | 7,198 | 4.8 | 1.5 |
| NLG | 40.9 | 4,230,200 | -7 | TIÊU CỰC | 11,668 | 10.4 | 1.8 |
| NTL | 32.3 | 2,485,210 | -2 | TRUNG TÍNH | 1,970 | 6.4 | 1.7 |
| NVB | 27.1 | 3,313,365 | -4 | TIÊU CỰC | 11,024 | 132.2 | 2.5 |
| NVL | 103.7 | 2,834,965 | -2 | TRUNG TÍNH | 152,813 | 28.8 | 4.5 |
| PAN | 29.1 | 2,566,570 | -2 | TRUNG TÍNH | 6,079 | 27.4 | 1.7 |
| PC1 | 30.45 | 1,986,565 | -2 | TRUNG TÍNH | 5,822 | 12.6 | 1.4 |
| PDR | 85.1 | 3,259,280 | -7 | TIÊU CỰC | 41,424 | 29.3 | 7.4 |
| PET | 25.5 | 3,490,565 | 1 | TRUNG TÍNH | 2,131 | 13.2 | 1.4 |
| PLX | 49.6 | 1,613,175 | -7 | TIÊU CỰC | 61,693 | 16.1 | 2.6 |
| PNJ | 91.5 | 526,340 | -7 | TIÊU CỰC | 20,804 | 15.7 | 3.6 |
| POW | 10.9 | 8,252,430 | -3 | TRUNG TÍNH | 25,526 | 10.0 | 0.9 |
| PVD | 18.3 | 6,653,220 | -3 | TRUNG TÍNH | 7,707 | 666.9 | 0.6 |
| PVS | 25 | 11,948,170 | -1 | TRUNG TÍNH | 11,949 | 21.5 | 1.0 |
| PVT | 21.35 | 5,418,365 | 0 | TRUNG TÍNH | 6,910 | 9.1 | 1.5 |
| REE | 61.3 | 897,325 | 5 | KHẢ QUAN | 18,945 | 10.6 | 1.5 |
| ROS | 4.95 | 10,819,635 | -5 | TIÊU CỰC | 2,810 | 15.3 | 0.5 |
| SBS | 15.3 | 4,335,810 | 4 | KHẢ QUAN | 1,938 | 1,686.9 | 9.4 |
| SBT | 21.7 | 4,343,020 | 2 | TRUNG TÍNH | 13,392 | 20.3 | 1.7 |
| SCR | 10.55 | 10,661,380 | -3 | TRUNG TÍNH | 3,865 | 13.2 | 0.8 |
| SHB | 28.4 | 17,880,536 | -3 | TRUNG TÍNH | 54,686 | 14.6 | 2.0 |
| SHS | 50.5 | 7,659,475 | 0 | TRUNG TÍNH | 10,467 | 9.8 | 2.4 |
| SMC | 45.1 | 1,266,725 | -3 | TRUNG TÍNH | 2,748 | 2.9 | 1.3 |
| SSI | 62.5 | 15,591,535 | 4 | KHẢ QUAN | 40,932 | 22.2 | 3.6 |
| STB | 28.3 | 26,077,284 | -7 | TIÊU CỰC | 53,352 | 14.7 | 1.7 |
| SZC | 45.3 | 1,807,200 | -2 | TRUNG TÍNH | #VALUE! | #N/A Requesting | #N/A Requesting |
| TCB | 50.5 | 16,671,705 | -3 | TRUNG TÍNH | 176,998 | 10.9 | 2.1 |
| TCH | 19 | 6,614,345 | -4 | TIÊU CỰC | 7,584 | 8.7 | 1.2 |
| TNG | 27.4 | 3,287,000 | 0 | TRUNG TÍNH | 2,179 | 12.4 | 1.7 |
| TPB | 35 | 5,759,810 | -1 | TRUNG TÍNH | 37,509 | 8.3 | 1.8 |
| VCB | 100.1 | 1,531,275 | 2 | TRUNG TÍNH | 371,259 | 18.1 | 3.5 |
| VCI | 62.1 | 6,089,535 | 4 | KHẢ QUAN | 20,679 | 14.2 | 3.9 |
| VCS | 123 | 446,530 | -4 | TIÊU CỰC | 19,680 | 12.9 | 4.6 |
| VGC | 35.95 | 1,512,675 | 5 | KHẢ QUAN | 16,118 | 17.1 | 2.5 |
| VGT | 19.9 | 5,068,355 | -2 | TRUNG TÍNH | 9,950 | 34.9 | 1.6 |
| VHC | 45.1 | 2,079,695 | -2 | TRUNG TÍNH | 8,206 | 11.2 | 1.5 |
| VHM | 108.1 | 9,777,885 | -7 | TIÊU CỰC | 362,082 | 10.9 | 3.7 |
| VIB | 38.7 | 1,537,705 | -5 | TIÊU CỰC | 60,107 | 10.3 | 2.9 |
| VIC | 97.7 | 2,802,560 | -3 | TRUNG TÍNH | 371,771 | 57.9 | 4.2 |
| VIX | 29.5 | 4,009,430 | 7 | KHẢ QUAN | 3,768 | 5.3 | 1.7 |
| VJC | 119.8 | 635,985 | 6 | KHẢ QUAN | 64,885 | 412.9 | 3.8 |
| VND | 53 | 11,542,886 | 0 | TRUNG TÍNH | 22,739 | 10.6 | 2.4 |
| VNM | 87.8 | 3,442,330 | 0 | TRUNG TÍNH | 183,498 | 19.2 | 5.8 |
| VOS | 13.8 | 4,079,040 | 2 | TRUNG TÍNH | 1,932 | 12.7 | 2.6 |
| VPB | 62.5 | 10,903,325 | -2 | TRUNG TÍNH | 154,359 | 12.4 | 2.6 |
| VRE | 27.05 | 5,000,445 | -3 | TRUNG TÍNH | 61,466 | 22.6 | 2.0 |

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

# Thông tin cập nhật

**Trung Quốc giữ nguyên lãi suất, chứng khoán châu Á giảm**

Chỉ số MSCI châu Á – Thái Bình Dương không gồm Nhật Bản giảm 1,04%.

Tại Nhật Bản, Nikkei giảm 0,98% còn Topix giảm 0,87%.

Cổ phiếu ngành ôtô Nhật Bản tiếp tục bị bán mạnh sau khi Toyota Motor ngày 19/8 thông báo sẽ giảm 40% sản lượng trên toàn cầu trong tháng 9 so với kế hoạch. Cổ phiếu Toyota Motor giảm 4,09%, Nissan Motor giảm 7,25%, Honda Motor giảm 4,84%.

Thị trường Trung Quốc đi xuống với Shanghai Composite giảm 1,1%, Shenzhen Component giảm 1,832%. Hang Seng của Hong Kong giảm 1,83%.

Trung Quốc hôm nay giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản (LPR) kỳ hạn 1 năm và LPR 5 năm lần lượt ở 3,85% và 4,65%, như dự báo từ giới phân tích và nhà đầu tư.

Chỉ số Kospi của Hàn Quốc giảm 1,2%.

ASX 200 của Australia giảm 0,05%.

**Hơn 23.000 ca mắc mỗi ngày, Nhật Bản cảnh báo tình trạng 'thảm họa'**

Ngày 19/8, nhóm chuyên gia cố vấn cho Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản (MHLW) cảnh báo tình hình dịch Covid-19 ở nước này đang "tồi tệ như một thảm họa", đồng thời kêu gọi người dân tăng cường các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là hạn chế đi ra khỏi nhà nếu không có việc thực sự cần thiết.

Nhóm chuyên gia này nhận định dịch Covid-19 đang lây lan với tốc độ chưa từng có trên khắp cả nước.

Cùng với hoạt động đi lại của người dân trong kỳ nghỉ hè, số ca nhiễm mới có thể sẽ tiếp tục gia tăng.

Ngày 18/8, Nhật Bản đã phát hiện thêm 23.918 ca mắc mới - cao hơn nhiều so với kỷ lục buồn 20.361 ca ghi nhận ngày 13/8. Đây là lần đầu tiên số ca mắc mới ở nước này vượt ngưỡng 23.000 ca/ngày.

**Các hãng thép Nhật bắt đầu phục hồi lợi nhuận do nhu cầu thế giới tăng cao**

Hãng sản xuất thép lớn thứ hai của Nhật Bản, JFE Holdings, ngày 12/8 nâng gấp đôi dự báo lợi nhuận ròng cả tài khóa hiện nay, tương tự hãng sản xuất thép Nippon Steel và Kobe Steel thông báo nâng dự báo lợi nhuận cho tài khóa 2021-2022 vào cuối tuần qua.

JFE dự kiến lãi ròng 240 tỷ yen (2,2 tỷ USD), mức cao nhất kể từ tài khóa 2007-2008, tăng hơn 110 tỷ yen so với ước tính đưa ra trong tháng Năm và trái ngược với khoản lỗ 21,9 tỷ yen trong cùng kỳ tài khóa trước.

Phó Chủ tịch điều hành JFE Masashi Terahata nói: "Nhu cầu thép dự kiến sẽ tiếp tục phục hồi dần cho đến tháng 3/2022".

**Thủ tướng: Người dân TP HCM 'ai ở đâu ở đó' ít nhất 2 tuần, quân đội sẽ chủ trì lo lương thực cho dân**

Thủ tướng Phạm Minh Chính đưa ra chỉ đạo trên trong cuộc họp trực tuyến chiều 19/8 với TP HCM và các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Long An về công tác phòng chống dịch COVID-19.

Theo Báo Chính phủ, để thực hiện nghiêm ngặt hơn, thực chất hơn Chỉ thị 16 tại TP HCM, Thủ tướng yêu cầu thực hiện bằng được các nhiệm vụ sau.

Thứ nhất, thực hiện cách ly triệt để giữa người với người, gia đình với gia đình, xã phường với xã phường. Nếu thiếu lực lượng bảo đảm thì công an, quân đội sẽ đáp ứng, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng phối hợp với TP HCM triển khai nhiệm vụ này.

Nhiệm vụ thứ hai, không để người dân thiếu ăn, thiếu mặc. Dưới sự chỉ huy thống nhất của địa phương, với sự phối hợp của các lực lượng khác, quân đội sẽ chủ trì lo lương thực, thực phẩm cho người dân, đồng thời hết sức linh hoạt, tận dụng các biện pháp khác để cung ứng lương thực, thực phẩm với điều kiện tiên quyết là bảo đảm tuyệt đối an toàn.

Về bảo đảm về y tế, Thủ tướng yêu cầu tăng cường năng lực y tế cho cấp xã phường về ô xy y tế, trang thiết bị, vật tư, y tá, bác sĩ, điều dưỡng…, bổ sung ngay cho những xã, phường còn thiếu để điều trị cho người bệnh ngay tại xã, phường.

Chuẩn bị sẵn sàng các xe cấp cứu, trung tâm cấp cứu tại từng quận, huyện để đáp ứng khi cần. Tiếp tục thí điểm điều trị tại nhà các F0 không có triệu chứng và tiếp tục nghiên cứu nhiều biện pháp phù hợp khác; giảm tối đa các trường hợp tử vong.

Thứ tư, tăng cường lực lượng công an để bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, an dân.

Thứ năm, về an sinh xã hội, TP HCM và các bộ, ngành đã triển khai nhiều giải pháp. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, tiếp tục thường xuyên bám sát tình hình và yêu cầu thực tế để không bỏ sót đối tượng cần cứu trợ; lực lượng công an cơ sở tăng cường nắm tình hình để cùng các lực lượng cung cấp ngay lương thực, thực phẩm cho những người vô gia cư, lang thang…

Thứ sáu, tổ chức xét nghiệm "thần tốc" theo hướng dẫn của Bộ Y tế với các hình thức phù hợp, kể cả đến tận nhà xét nghiệm, phát hiện F0 nhanh nhất, tuyệt đối không bỏ sót, phân loại điều trị ngay, bóc tách F0 ra khỏi cộng đồng. Bộ Y tế chủ trì thực hiện nhiệm vụ này.

**Dự thảo thông tư mới của NHNN nới phạm vi nợ cơ cấu lại**

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) có dự thảo thông tư sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

So với Thông tư 03/2021 - văn bản sửa đổi Thông tư 01/2020 hiện nay, dự thảo có sửa đổi theo hướng nới phạm vi thời gian các khoản nợ được cơ cấu lại.

Dự thảo quy định Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD) cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ (bao gồm cả các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (đã được sửa đổi, bổ sung)) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện.

Thứ nhất là phát sinh trước ngày 1/8/2021 từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính. Hiện nay, Thông tư 03/2021 đang quy định thời điểm là trước 10/6/2020.

Thứ hai là phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/06/2022, thay vì đến ngày 31/12/2021 như Thông tư 03 hiện nay.

Thứ ba, số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi thuộc một trong các trường hợp gồm số dư nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận; số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 23/1/2020 và quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 23/1/2020 đến ngày 29/3/2020; số dư nợ của khoản nợ phát sinh từ ngày 23/1/2020 đến trước ngày 10/6/2020 và quá hạn trước ngày 17/5/2021; số dư nợ của khoản nợ phát sinh từ ngày 10/6/2020 đến trước ngày 1/8/2021 và quá hạn từ ngày 17/7/2021 đến trước ngày dự thảo Thông tư có hiệu lực thi hành (thay vì ngày 17/5/2021).

**25 công trình đường bộ trọng điểm dự kiến được ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021-2030**

Tổng nhu cầu vốn đầu tư mạng lưới đường bộ đến năm 2030 dự kiến khoảng 900.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 48% nhu cầu vốn đầu tư toàn ngành giao thông vận tải.

**Danh mục 25 dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2021-2025**

1. 4 đoạn tuyến cao tốc Bắc-Nam phía Đông

2. Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh

3. Vành đai 4 Hà Nội

4. Cao tốc Châu Đốc-Cần Thơ-Sóc Trăng-Trần Đề

5. Cao tốc An Hữu-Cao Lãnh

6. Cao tốc Chơn Thành-Đức Hòa

7. Cao tốc Mỹ An-Cao Lãnh

8. Cao tốc Cao Lãnh-Lộ Tẻ-Rạch Sỏi

9. Cao tốc Buôn Ma Thuột-Vân Phong

10. Cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu

11. Cao tốcThành phố Hồ Chí Minh-Mộc Bài

12. Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh-Chơn Thành

13. Cao tốc Dầu Giây-Tân Phú-Bảo Lộc

14. Cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị-Lạng Sơn

15. Cao tốc Chợ Mới-Bắc Cạn

16. Cao tốc nối thành phố Hà Giang với cao tốc Nội Bài-Lào Cai

17. Cao tốc Hòa Bình-Mộc Châu

18. Cao tốc Đồng Đăng-Trà Lĩnh

19. Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh

20. Vành đai 5 Hà Nội

21. Cao tốc Bảo Lộc-Liên Khương

22. Cao tốc Vinh-Thanh Thủy

23. Cao tốc Mộc Châu-Sơn La

24. Cao tốc Phú Thọ-Chợ Bến

25. Cao tốc Hà Tiên-Rạch Giá

**MWG: Gần 2.000 cửa hàng TGDĐ/ĐMX đóng cửa khiến lợi nhuận tháng 7 giảm 29% xuống còn 231 tỷ đồng, dự kiến tháng 8 là tháng thấp điểm**

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG) vừa công bố tình hình kinh doanh tháng 7/2021 với doanh thu thuần đạt xấp xỉ 9.500 tỷ đồng - tăng 10% và LNST đạt 231 tỷ đồng - giảm 29% so với cùng kỳ năm trước. Theo MWG, trong bối cảnh TGDĐ/ĐMX có gần 2.000 cửa hàng (chiếm khoảng 70% tổng số điểm bán trên toàn quốc) phải tạm đóng hoặc hạn chế bán hàng trong nửa cuối tháng 7, việc giữ được tăng trưởng doanh thu cho toàn công ty là kết quả vượt kỳ vọng nhờ nỗ lực gia tăng doanh số vượt bậc của chuỗi BHX.

Lũy kế 7 tháng đầu năm 2021, MWG ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất là 71.986 tỷ đồng (tăng 12% so với cùng kỳ) và lợi nhuận sau thuế (LNST) là 2.784 tỷ đồng (tăng 18% so với cùng kỳ). Doanh thu online đóng góp hơn 6.400 tỷ đồng, (tăng 14% so với cùng kỳ). Với kết quả này, Công ty đã hoàn thành 58% kế hoạch doanh thu và 59% kế hoạch LNST cả năm.

**DIC Corp (DIG): Thị giá tiếp tục vượt đỉnh, đến lượt cổ đông lớn Him Lam "chốt lời" 10 triệu cổ phiếu**

Kết phiên giao dịch ngày 19/8/2021, cổ phiếu DIG của DIC Corp tiếp tục tăng mạnh với biên độ 2,4%, tiếp nối sóng tăng và phá đỉnh lịch sử tại vùng giá 34.800 đồng/cp. Đi cùng diễn biến này, nhiều cổ đông lớn có động thái bán ra cổ phiếu.

Trong 2 ngày 16-17/8, Địa ốc Him Lam đã thực hiện bán gần 10 triệu cổ phiếu DIG, giảm sở hữu từ mức 21,25% xuống còn 18,81% (tương đương hơn 77 triệu cổ phần). Tạm tính theo mức giá bình quân vào khoảng 33.500 đồng/cp trong 2 phiên này, Him Lam thu về khoảng 335 tỷ đồng.

Trước đó, cổ đông lớn khác là Đầu tư và Phát triển Thiên Tân đã bán ra hơn 13,6 triệu cổ phiếu DIG. Tạm tính theo giá đóng cửa trung bình trong ba phiên 10 - 12/8, Đầu tư Phát triển Thiên Tân thu về gần 424 tỷ đồng từ giao dịch trên.

**Saigontel: Doanh nghiệp viễn thông rẽ hướng BĐS khu công nghiệp, kế hoạch tăng vốn mạnh**

Công ty Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (Saigontel, HoSE: SGT) được thành lập từ 2002, do ông Đặng Thành Tâm, Chủ tịch HĐQT Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HoSE: KBC), làm Chủ tịch. Hiện Tâm sở hữu 23,7% vốn Saigontel và Đô thị Kinh Bắc nắm 21,5% vốn.

Với mảng bất động sản (BĐS) khu công nghiệp, doanh nghiệp viễn thông của ông Đặng Thành Tâm đang đầu tư nhiều dự án trải dài từ Bắc vào Nam, có thể tự đầu tư hoặc hợp tác cùng thành viên khác của Đô thị Kinh Bắc.

Cụ thể, doanh nghiệp đầu tư dự án khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn II quy mô 96 ha, tổng đầu tư 1.000 tỷ đồng tại Bắc Ninh; xây dựng nhà xưởng cho thuê trong khu công nghệ cao Đà Nẵng quy mô 30 ha, tổng đầu tư 600 tỷ đồng.

Cùng với đó, Saigontel hợp tác với Công ty Đầu tư Sài Gòn – Huế (doanh nghiệp liên kết của Đô thị Kinh Bắc) phát triển dự án khu công nghiệp và khu phi thuế quan Sài Gòn – Chân Mây thuộc khu kinh tế Chân Mây. Mới đây, liên doanh do Saigontel cùng với Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng (công ty con của Đô thị Kinh Bắc) thành lập được Long An lựa chọn để đầu tư Khu công nghiệp Nam Tân Tập, tổng diện tích 244,74 ha.

Doanh nghiệp thông qua đơn vị thành viên là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Gòn (SGU) phát triển dự án nhà ở xã hội khu đô thị Bàu Tràm Lakeside, Đà Nẵng; dự kiến bàn giao sản phẩm trong quý I/2022.

Ngoài ra, đơn vị còn hợp tác với SkyXSolar (thuộc VinaCapital) thành lập liên doanh phát triển dự án điện mặt trời áp mái trong các khu công nghiệp thuộc sở hữu và các bên liên kết. Liên doanh đặt mục tiêu phát triển 50 MW trong vòng 2 năm với tổng đầu tư 34 triệu USD.

Với nhiều dự án đầu tư, Saigontel có kế hoạch chào bán 74 triệu cổ phiếu để tăng vốn gấp đôi lên 1.480 tỷ đồng, giá chào bán dự kiến 10.000 đồng/cp. Ngoài ra, doanh nghiệp chào bán riêng lẻ thêm 50 triệu cổ phiếu tăng vốn lên 1.980 tỷ đồng. Mục tiêu để bổ sung vốn lưu động, cơ cấu lại các khoản vay, tăng quy mô đầu tư góp vốn vào các công ty con, liên doanh, liên kết. Nếu thực hiện thành công, doanh nghiệp sẽ tăng vốn từ 740 tỷ đồng lên 1.980 tỷ đồng, gấp 2,7 lần.

**Nam Tân Uyên chốt quyền chia cổ tức còn lại năm 2020 tỷ lệ 60%**

HĐQT Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCoM: NTC) thông qua phương án trả cổ tức còn lại bằng tiền năm 2020 theo tỷ lệ 60% (1 cổ phiếu được nhận 6.000 đồng), tương đương số tiền dự kiến thanh toán là 144 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng là 15/9. Thời gian chi trả dự kiến 30/9.

Năm ngoái, dù ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, doanh nghiệp đạt lợi nhuận sau thuế 291 tỷ đồng, vượt 22,7% kế hoạch năm và tăng 23% so với năm trước. Với kết quả này, cổ đông thông qua phương án dành 240 tỷ đồng chia cổ tức năm 2020, tương đương với 100% vốn điều lệ hiện nay (240 tỷ đồng). Trong đó, doanh nghiệp đã chi 96 tỷ đồng để tạm ứng tỷ lệ 60% trên vốn điều lệ cũ (160 tỷ đồng) vào cuối năm 2020.

Năm 2021, công ty đặt kế hoạch tổng doanh thu 472 tỷ đồng, tương đương thực hiện năm trước. Trong đó, doanh thu hoạt động kinh doanh giảm 10% và doanh thu tài chính 237 tỷ đồng, tăng 13%. Lãi sau thuế 226,8 tỷ đồng, giảm 22%. Tỷ lệ cổ tức tối thiểu 60% vốn điều lệ.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu thuần tăng 38% so cùng kỳ, đạt hơn 127 tỷ đồng. Do sự sụt giảm của doanh thu tài chính nên lợi nhuận sau thuế chỉ tăng 16%, ở mức gần 164 tỷ đồng. Với mức lãi này, công ty đã thực hiện được hơn 72% mục tiêu lợi nhuận của cả năm.

**Viconship: Thông qua chủ trương mua 36% cổ phần Cảng Vinalines Đình Vũ; Tổng Giám đốc xin từ chức**

Liên quan đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm, doanh thu của Viconship đạt 912 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận trước thuế đạt 208 tỷ đồng, tăng 34%.

Năm 2021 công ty lên hai kịch bản kinh doanh. Kịch bản 1, doanh thu 1.700 tỷ đồng và 335 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong điều kiện thuận lợi. Kịch bản 2, trong trường hợp dịch bệnh diễn biến xấu bất thường và tiếp tục tình trạng thiếu hụt container rỗng, mục tiêu lợi nhuận trước thuế sẽ ở mức 296 tỷ đồng.

Như vậy kết thúc nửa đầu năm, Viconship đã thực hiện được gần 54% kế hoạch doanh thu và 62% mục tiêu lợi nhuận năm xét theo kịch bản 1.

Tuần trước, HĐQT Viconship đã họp và đề ra mục tiêu kinh doanh cho 6 tháng cuối năm cho từng đơn vị thành viên và toàn hệ thống công ty. HĐQT dự kiến sẽ hoàn thành và vượt mức kế hoạch năm được giao.

Ngoài ra, HĐQT cũng đã thông qua chủ trương mua 36% cổ phần của công ty Cảng Vinalines Đình Vũ từ cổ đông hiện hữu của công ty này. Hiện Vinalines Đình Vũ có vốn điều lệ 200 tỷ đồng. Ước tính giá trị khoản đầu tư này vào khoảng 72 tỷ đồng nếu tính theo mệnh giá cổ phần.

Nếu thương vụ này thành công, Viconship sở hữu 8 công ty con, ba công ty liên kết và ba chi nhánh.

# Chỉ báo tham khảo

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**

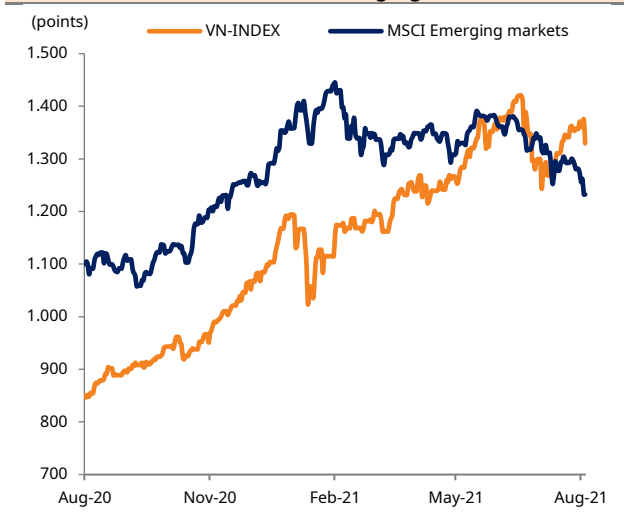


Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**

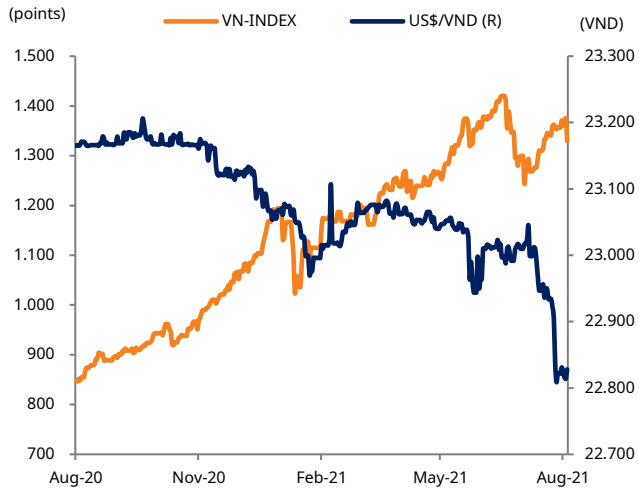


Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**

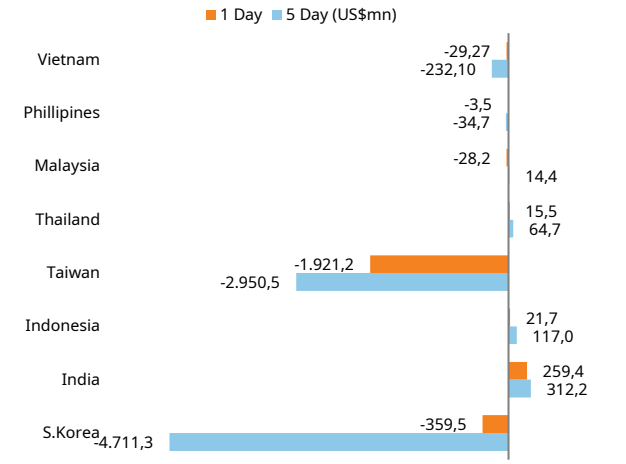


Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**

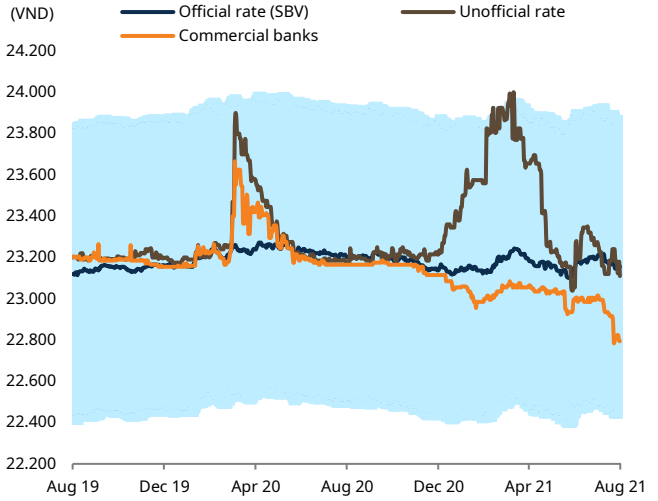


Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**

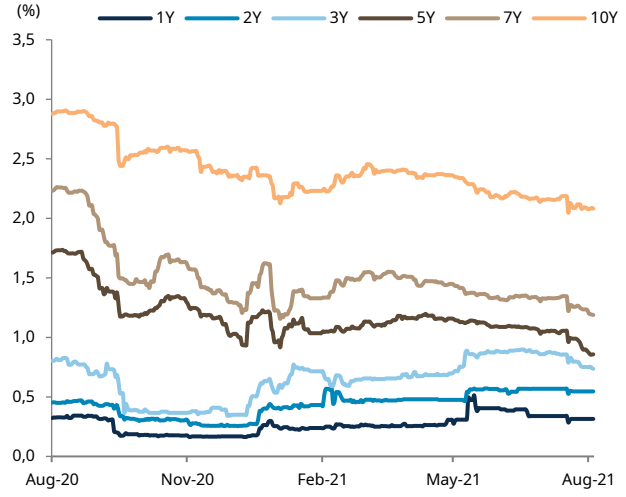


Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**

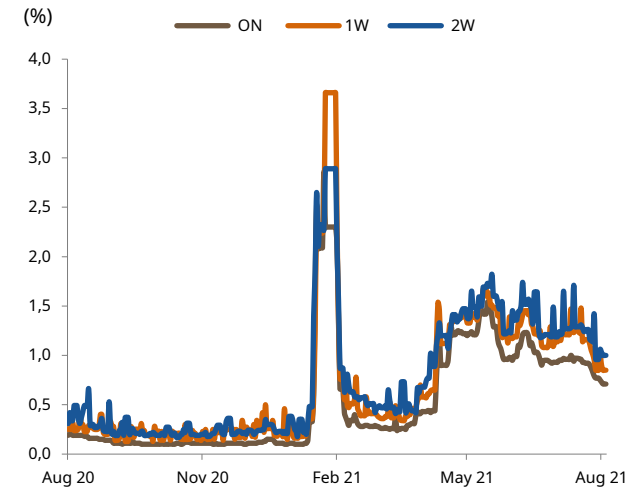


Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

## Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

| Tên công ty | Mã | Giá | Vốn hóa | Sở hữu khối ngoại | Biến động giá (%) | | | | P/E (x)* | | P/B (x)* | | Tăng trưởng EPS (%)* | | ROE (%)* | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | (VND) | (VND bn) | (%) | 1D | 1W | 1M | 1Y | 2021 | 2022 | 2021 | 2022 | 2021 | 2022 | 2021 | 2022 |
| **VN30 Index** | **VN30 Index** | **1,450.45** | **3,910,931** | | **-3.6** | **-2.3** | **2.8** | **84.5** | **13.9** | **12.0** | **2.6** | **2.2** | **35.8** | **15.4** | **22.6** | **20.4** |
| Ngân hàng TMCP Á Châu | ACB VN | 33,600 | 90,785 | 30.0 | -4.8 | -5.0 | -0.9 | 101.9 | 9.4 | 7.9 | 2.0 | 1.6 | 27.4 | 19.3 | 24.4 | 22.8 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển | BID VN | 40,500 | 162,892 | 16.7 | -4.7 | -4.8 | -1.2 | 5.9 | 17.3 | 12.6 | 1.8 | 1.6 | 62.2 | 36.8 | 12.0 | 14.6 |
| Tập đoàn Bảo Việt | BVH VN | 53,400 | 39,640 | 26.9 | -2.9 | -1.8 | 7.0 | 17.9 | 23.1 | 20.5 | 1.9 | 1.8 | 11.2 | 12.8 | 8.4 | 9.0 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | CTG VN | 32,700 | 157,148 | 24.4 | -4.7 | -4.7 | -1.7 | 81.1 | 9.1 | 7.5 | 1.7 | 1.5 | 26.0 | 21.0 | 19.2 | 19.9 |
| CTCP FPT | FPT VN | 92,800 | 84,213 | 49.0 | -1.8 | -2.3 | 6.9 | 126.8 | 20.9 | 17.4 | 4.6 | 4.0 | 24.3 | 20.3 | 24.9 | 25.7 |
| TCT Khí Việt Nam | GAS VN | 87,500 | 167,471 | 2.6 | -3.7 | -5.9 | -1.7 | 23.2 | 17.4 | 14.9 | 3.2 | 2.9 | 24.5 | 17.0 | 19.2 | 20.4 |
| Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam | GVR VN | 36,350 | 145,400 | 0.6 | -6.3 | 4.5 | 18.0 | 210.7 | 31.3 | 28.6 | 2.8 | NA | 128.8 | 9.5 | 9.3 | 10.0 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM | HDB VN | 34,500 | 54,985 | 18.4 | -4.2 | -0.7 | 3.3 | 112.0 | 10.0 | 8.3 | 1.9 | 1.6 | 31.1 | 20.2 | 21.5 | 20.9 |
| Tập đoàn Hoà Phát | HPG VN | 49,000 | 219,173 | 26.6 | -3.7 | 0.7 | 3.6 | 174.5 | 7.5 | 7.5 | 2.4 | 1.8 | 127.4 | 1.2 | 38.8 | 28.6 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền | KDH VN | 39,400 | 24,550 | 30.7 | -5.2 | -5.7 | 6.8 | 86.0 | 22.3 | 15.9 | 2.6 | 2.2 | -5.7 | 40.6 | 13.1 | 15.9 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | MBB VN | 29,900 | 112,972 | 22.2 | -3.9 | 1.0 | 7.2 | 174.8 | 10.0 | 8.4 | 1.8 | 1.5 | 36.8 | 18.1 | 21.7 | 21.2 |
| Tập đoàn Masan | MSN VN | 133,800 | 157,956 | 33.4 | -1.8 | 0.2 | 8.8 | 157.3 | 49.2 | 28.9 | 8.0 | 6.3 | 19,820.1 | 69.9 | 15.0 | 22.4 |
| CTCP Thế giới di động | MWG VN | 164,000 | 77,945 | 49.0 | -4.9 | -4.1 | -0.4 | 100.7 | 15.8 | 12.7 | 3.8 | 3.2 | 19.8 | 24.2 | 26.0 | 26.8 |
| Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va | NVL VN | 103,700 | 152,813 | 9.5 | -1.1 | 0.2 | 0.2 | 126.2 | 35.5 | 25.6 | 4.4 | 4.1 | -541.2 | 38.6 | 16.0 | 14.5 |
| CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt | PDR VN | 85,100 | 41,424 | 3.7 | -3.6 | -7.1 | -5.3 | 319.0 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam | PLX VN | 49,600 | 61,693 | 17.8 | -3.7 | -6.2 | 0.5 | 7.0 | 17.9 | 15.2 | 2.5 | 2.5 | 334.9 | 18.4 | 16.2 | 16.6 |
| CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận | PNJ VN | 91,500 | 20,804 | 49.0 | -2.7 | -3.2 | -0.5 | 64.6 | 16.4 | 13.1 | 3.4 | 2.9 | 29.6 | 25.1 | 23.4 | 24.0 |
| TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam | POW VN | 10,900 | 25,526 | 3.0 | -4.0 | -3.5 | 5.8 | 9.0 | 12.2 | 10.9 | 0.9 | 0.8 | -10.8 | 12.2 | 7.2 | 7.7 |
| TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn | SAB VN | 143,000 | 91,703 | 62.6 | -3.4 | -5.8 | -7.7 | -20.4 | 18.3 | 15.9 | 4.0 | 3.5 | 9.4 | 15.3 | 24.2 | 24.4 |
| CTCP Chứng Khoán Sài Gòn | SSI VN | 62,500 | 40,932 | 47.9 | -0.3 | 5.9 | 18.6 | 335.5 | 31.2 | 25.4 | 4.6 | 4.2 | 2.3 | 23.0 | 14.1 | 14.5 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | STB VN | 28,300 | 53,352 | 15.9 | -5.5 | -4.7 | 0.7 | 165.7 | 21.7 | 14.6 | 1.7 | 1.5 | 8.4 | 48.9 | 8.9 | 11.8 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam | TCB VN | 50,500 | 176,998 | 22.5 | -4.7 | -3.3 | 2.0 | 152.5 | 10.7 | 9.1 | 2.0 | 1.6 | 33.8 | 18.2 | 20.2 | 19.7 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong | TPB VN | 35,000 | 37,509 | 30.0 | -4.6 | -3.8 | 6.1 | 99.8 | 8.1 | 6.6 | 1.6 | 1.3 | 26.8 | 22.1 | 22.2 | 21.5 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN | VCB VN | 100,100 | 371,259 | 23.6 | -2.6 | 0.5 | -0.1 | 20.6 | 16.8 | 14.1 | 3.2 | 2.6 | 33.3 | 19.3 | 21.1 | 20.9 |
| Công ty Cổ phần Vinhomes | VHM VN | 108,100 | 362,082 | 23.7 | -2.6 | -9.9 | 1.4 | 35.1 | 11.7 | 10.2 | 3.1 | 2.4 | 108.4 | 14.2 | 29.9 | 27.2 |
| Tập đoàn Vingroup | VIC VN | 97,700 | 371,771 | 15.0 | -6.1 | -0.9 | 6.7 | 27.8 | 58.3 | 57.0 | 4.3 | 3.9 | -135.0 | 2.3 | 9.3 | 8.2 |
| CTCP Hàng Không Vietjet | VJC VN | 119,800 | 64,885 | 18.3 | -0.2 | 1.5 | 4.6 | 20.3 | 159.7 | 24.5 | 3.5 | 2.9 | -160.5 | 552.9 | 3.8 | 16.6 |
| CTCP Sữa Việt Nam | VNM VN | 87,800 | 183,498 | 55.0 | -2.8 | -2.3 | 2.2 | -8.5 | 18.1 | 16.9 | 5.6 | 5.4 | 1.4 | 7.5 | 32.5 | 33.6 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | VPB VN | 62,500 | 154,359 | 15.4 | -3.3 | -1.7 | 3.1 | 192.7 | 9.7 | 10.3 | 1.9 | 1.6 | 52.0 | -6.4 | 24.5 | 18.2 |
| CTCP Vincom Retail | VRE VN | 27,050 | 61,466 | 29.9 | -3.2 | -3.4 | 1.3 | 2.7 | 25.5 | 18.8 | 2.0 | 1.8 | 1.1 | 35.6 | 7.5 | 10.0 |

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## Bảng 2: Biến động ngành

| Nhóm ngành (Chuẩn GICS) | Điểm tác động (VN-Index 1W) | Vốn hóa (VND bn) | Biến động giá (%) | | | | P/E (X)* | | P/B (X)* | | Tăng trưởng EPS (%)* | | ROE (%)* | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 1D | 1W | 1M | 1Y | 2021 | 2022 | 2021 | 2022 | 2021 | 2022 | 2021 | 2022 |
| **VN-Index** | **-27.62** | **5,183,670** | **-3.3** | **-2.0** | **4.4** | **56.7** | **15.2** | **12.8** | **2.6** | **2.2** | **37.2** | **19.3** | **20.0** | **19.2** |
| Ô tô và phụ tùng | -0.07 | 8,885 | -1.9 | -2.6 | 10.6 | 66.4 | 7.5 | 6.6 | 1.4 | 1.3 | 26.5 | 12.7 | 12.1 | 12.6 |
| Ngân hàng | -11.19 | 1,605,898 | -3.9 | -2.5 | 0.8 | 74.1 | 12.8 | 10.4 | 2.1 | 1.8 | 33.5 | 21.8 | 19.3 | 19.0 |
| Xây dựng cơ bản | -0.03 | 190,344 | -1.2 | 0.3 | 16.7 | 86.2 | 8.0 | 6.5 | 1.6 | 0.4 | 15.3 | 22.5 | 7.8 | 8.3 |
| Dịch vụ thương mại | -0.07 | 5,112 | -4.9 | -4.5 | 13.0 | 35.9 | 7.7 | 6.0 | NA | NA | 10.8 | 39.0 | 9.6 | 12.7 |
| May mặc và trang sức | -0.32 | 44,271 | -2.4 | -2.6 | 5.2 | 131.6 | 12.5 | 10.3 | 2.5 | 2.1 | 37.3 | 22.7 | 17.4 | 18.0 |
| Dịch vụ tiêu dùng | -0.06 | 8,424 | -0.9 | -2.1 | 8.6 | 43.3 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Dịch vụ tài chính | 2.66 | 111,514 | -0.2 | 9.9 | 26.7 | 316.6 | 18.9 | 14.9 | 3.0 | 2.8 | 19.2 | 28.8 | 12.4 | 13.4 |
| Năng lượng | -1.35 | 79,421 | -4.2 | -5.9 | 2.9 | 24.2 | 20.0 | 14.2 | 2.2 | 2.1 | NA | 38.0 | 14.0 | 14.5 |
| Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá | -2.71 | 529,448 | -2.6 | -1.8 | 3.4 | 46.4 | 25.4 | 18.3 | 5.1 | 4.4 | 59.5 | 30.1 | 20.6 | 23.2 |
| Dịch vụ và thiết bị y tế | 0.10 | 1,359 | 6.9 | 35.3 | 58.7 | 91.5 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Hàng cá nhân và gia dụng | -0.01 | 1,847 | -0.3 | -1.7 | -3.6 | 0.9 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Bảo hiểm | -0.25 | 48,339 | -3.0 | -1.8 | 7.5 | 24.7 | 19.9 | 16.8 | 1.7 | 1.5 | 17.7 | 12.8 | 7.9 | 7.4 |
| Nguyên vật liệu | 3.32 | 519,897 | -3.8 | 2.5 | 13.2 | 179.8 | 66.8 | 13.4 | 2.1 | 1.0 | 98.5 | -0.2 | 24.2 | 19.1 |
| Giải trí và truyền thông | -0.01 | 1,299 | -1.8 | -3.9 | -1.0 | -26.5 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Dược phẩm | 0.18 | 36,176 | -3.2 | -0.7 | 11.2 | 32.1 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Bất động sản | -13.57 | 1,190,869 | -1.6 | 2.1 | 3.0 | 22.1 | 8.7 | 7.6 | 1.4 | 1.3 | 5.8 | 13.4 | 8.5 | 9.0 |
| Bán lẻ | -0.91 | 87,257 | -3.5 | -3.9 | 4.2 | 62.8 | 52.2 | 24.7 | 3.0 | 2.6 | 14.0 | NA | 15.5 | 14.6 |
| Phần mềm và dịch vụ | -0.48 | 89,714 | -4.7 | -3.7 | 0.8 | 94.9 | 15.4 | 12.2 | 3.6 | 3.0 | 32.5 | 24.8 | 23.8 | 24.7 |
| Thiết bị và phần cứng | 0.09 | 7,408 | -1.6 | -1.9 | 8.2 | 123.3 | 19.6 | 16.3 | 4.3 | 3.8 | 26.8 | 20.9 | 23.4 | 24.2 |
| Dịch vụ viễn thông | 0.04 | 1,554 | 2.2 | 4.9 | 33.2 | 263.2 | 17.3 | 14.2 | 4.8 | 3.7 | 56.0 | 22.0 | 30.8 | 24.8 |
| Vận tải | -0.63 | 177,983 | -4.8 | 11.4 | 1.0 | 337.5 | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA | NA |
| Tiện ích | -2.87 | 251,851 | -0.5 | -1.0 | 9.3 | 48.6 | 68.0 | 12.8 | 20.5 | 1.7 | NA | NA | -52.5 | 20.2 |

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index**

**Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm**

| Mã CP | Thị giá | % Thay đổi (1W) | Khối lượng | Điểm tác động |
|---|---|---|---|---|
| GVR VN | 36,350 | 4.5 | 8,425,220 | 1.7 |
| SSI VN | 62,500 | 5.9 | 17,966,160 | 0.6 |
| VCB VN | 100,100 | 0.5 | 1,980,840 | 0.5 |
| REE VN | 61,300 | 10.1 | 1,845,320 | 0.5 |
| VCI VN | 62,100 | 8.9 | 7,509,640 | 0.5 |
| DGC VN | 107,500 | 9.7 | 1,457,400 | 0.4 |
| HPG VN | 49,000 | 0.7 | 32,941,900 | 0.4 |
| BCM VN | 45,500 | 3.2 | 106,800 | 0.4 |
| HCM VN | 57,000 | 7.8 | 7,484,800 | 0.3 |
| MBB VN | 29,900 | 1.0 | 23,173,520 | 0.3 |

**Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm**

| Mã CP | Thị giá | % Thay đổi (1W) | Khối lượng | Điểm tác động |
|---|---|---|---|---|
| VHM VN | 108,100 | -9.9 | 20,166,440 | -10.7 |
| GAS VN | 87,500 | -5.9 | 1,583,860 | -2.8 |
| BID VN | 40,500 | -4.8 | 2,506,700 | -2.2 |
| CTG VN | 32,700 | -4.7 | 15,908,000 | -2.1 |
| TCB VN | 50,500 | -3.3 | 21,886,900 | -1.6 |
| SAB VN | 143,000 | -5.8 | 384,400 | -1.5 |
| ACB VN | 33,600 | -5.0 | 11,643,860 | -1.3 |
| VNM VN | 87,800 | -2.3 | 3,514,240 | -1.2 |
| PLX VN | 49,600 | -6.2 | 1,282,580 | -1.1 |
| VIC VN | 97,700 | -0.9 | 3,826,345 | -0.9 |

Nguồn: Bloomberg


**Disclaimers**

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.